TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 49/HNGĐ – ST
Ngày: 21/7/2023
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước: Ông Cao Thanh Nam – kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm: 1988 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
Chỗ ở: Ấp 9, xã L1, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Lê Thành Đ, sinh năm: 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
Chỗ ở: Ấp 9, xã L1, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy T trình bày: Bà T và ông Lê Thành Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh. Trước khi kết hôn tìm hiểu khoảng 05 năm. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng lời qua tiếng lại, ông Đ có hành vi bạo lực. Nay nhận thấy không thể trở lại sống chung được nữa nên bà T xin ly hôn với ông Lê Thành Đ.

Về con chung: Có 03 con tên Lê Thành S, sinh ngày 07/10/2009; Lê Huỳnh A, sinh ngày 05/02/2015; Lê Huỳnh Như Y, sinh ngày 03/5/2018. Khi ly hôn bà T nuôi các con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - chi nhánh L số tiền 120.000.000đ *(một trăm hai mươi triệu đồng).* Khi ly hôn vợ chồng cùng chịu trách nhiệm trả. Ngoài ra không ai nợ lại vợ chồng.

Bị đơn ông Lê Thành Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn như bà T trình bày. Nay ông Đ không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 03 con tên Lê Thành S, sinh ngày 07/10/2009; Lê Huỳnh A, sinh ngày 05/02/2015; Lê Huỳnh Như Y, sinh ngày 03/5/2018. Do không đồng ý ly hôn nên ông Đ không có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tài sản tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Có nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thùy T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Thùy T được ly hôn với ông Lê Thành Đ.

Về con chung: Giao bà T nuôi con tên tên Lê Thành S, sinh ngày 07/10/2009; Lê Huỳnh A, sinh ngày 05/02/2015; Lê Huỳnh Như Y, sinh ngày 03/5/2018, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ: Nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - chi nhánh L số tiền 120.000.000đ. Tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Thùy T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Lê Thành Đ nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đ cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Lê Thành Đ vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Thùy T và ông Lê Thành Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh, vì vậy hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp. Theo bà T, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng lời qua tiếng lại, ông Đ có hành vi bạo lực. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông Đ nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Lời khai ông Đ trong quá trình hòa giải cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn kinh tế không thuận lợi nên hay cãi nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 03 con tên Lê Thành S, sinh ngày 07/10/2009; Lê Huỳnh A, sinh ngày 05/02/2015; Lê Huỳnh Như Y, sinh ngày 03/5/2018. Khi ly hôn, đối với con tên Lê Thành S và Lê Huỳnh A có nguyện vọng sống với bà T. Con tên Y là con gái, còn nhỏ, bà T có nguyện vọng nuôi cả 03 con. Xét nguyện vọng của các con và để đảm bảo sự ổn định cần giao cả 03 con cho bà T nuôi. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ: Nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - chi nhánh L số tiền 120.000.000đ *(một trăm hai mươi triệu đồng).* Tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu nên không giải quyết.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thùy T được ly hôn với ông Lê Thành Đ.

2. Về con chung: Bà T nuôi các con tên Lê Thành S, sinh ngày 07/10/2009; Lê Huỳnh A, sinh ngày 05/02/2015; Lê Huỳnh Như Y, sinh ngày 03/5/2018. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung: Bà T ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - chi nhánh L số tiền 120.000.000đ *(một trăm hai mươi triệu đồng).* Tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà T chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010312 ngày 03 tháng 3 năm 2023.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà T số tiền 3.750.000đ *(ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010313 ngày 03 tháng 3 năm 2023

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã L, huyện Lộc Ninh*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*